

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO XÃ HỘI HỌC HIỆN NAY: HAI VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN NGẠI

TSKH. BÙI QUANG DŨNG

Viện Xã hội học

Sau mấy thập niên, ngành xã hội học ở Việt Nam đã có những phát triển nhanh chóng, rõ rệt cả về mặt thể chế lẫn nội dung khoa học. Nếu viết một cuốn sử về ngành chắc sẽ khiến nhiều người sửng sốt về những thành tựu mà chúng ta đạt được trong bấy nhiêu năm. Tuy nhiên, hôm nay tôi không muốn trao đổi về những “mặt mạnh” và những “ưu điểm”. Trong báo cáo này tôi chỉ muốn nêu lên một số suy nghĩ mà tôi có dịp trao đổi với nhiều bạn đồng nghiệp về những khó khăn mà chúng ta vấp phải trong thực tiễn đào tạo xã hội học hiện nay. Cụ thể hơn và liên quan tới chủ đề cuộc hội thảo này, tôi hình dung những khó khăn chủ yếu trong việc đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng giảng dạy xã hội học xuất hiện gồm cả từ hai phía: giáo viên và sinh viên. Hai khía cạnh theo tôi bức xúc hơn cả liên quan tới vấn đề là:

1. Những khó khăn về lý luận:

Thay cho xu hướng bàn luận chung chung, lấy triết học thay thế cho các nghiên cứu cụ thể trước kia, thì trong thực tế hiện nay lại xuất hiện một tình hình khác, cực đoan không kém và hậu quả về mặt khoa học cũng khá tiêu cực. Đây là thái độ sùng bái số liệu thực nghiệm và không biết tới mối

quan hệ giữa các trào lưu lý thuyết xã hội học với cơ sở triết học của nó. Tôi sẽ không bàn tới điểm thứ nhất mà chỉ xin nói tới khía cạnh thứ hai. Trong giảng đường đại học và cao học, học sinh của chúng ta học về môn lịch sử xã hội học khá kỹ (theo tôi biết thì số lượng thời gian dành cho môn này khá lớn khoảng từ 90-100 tiết tùy theo sơ sở đào tạo), nhưng không mấy ai chú ý cho đúng mức mối quan hệ giữa một thứ triết học nào đó với lý thuyết xã hội học hữu quan. Có lẽ điều này phần nào phản ánh thái độ “chống lại” truyền thống “tự biện”, muốn lấy triết học thay cho khoa học thực nghiệm thống trị một thời chẳng?

Mặt khác, hệ thống “phương pháp nghiên cứu xã hội học” hiện nay đang giảng dạy và thực hành, theo chúng tôi, về cơ bản phản ánh tinh thần của chỉ một trào lưu xã hội học: thực chứng luận.

Vậy cả hai sự kiện đó: thái độ chống lại thói tự biện và sự thu hẹp về phương pháp nghiên cứu đã cùng nhau giúp làm nhòe đi mối quan hệ căn bản giữa triết học và một lý thuyết xã hội học nào đó. Chẳng hạn, giữa xã hội học Durkheim với truyền thống thực chứng luận, giữa xã hội học của Weber với truyền thống duy tâm chủ quan trong triết học Đức. Trên thực tế, điều đó dẫn tới hậu quả sinh viên, học sinh và không ít người nghiên cứu chỉ “biết” tới trên thực tế sự tồn tại của một môn xã hội học mà thôi: đó là xã hội học thực chứng luận, một xu thế phổ biến hiện nay.

Theo thống kê riêng của tôi thì hiện nay sách viết về xã hội học đại cương và sách chuyên khảo chiếm “kỷ lục” cao nhất trong các sách xã hội học xuất bản hiện nay, không những có sách biên soạn còn có cả sách dịch. Sách viết về lịch sử xã hội học tương đối ít, nhưng ít hơn cả vẫn là sách biên

soạn về các vấn đề phương pháp nghiên cứu xã hội học. Sự kiện này thực sự rất đáng để chúng ta lưu tâm vì ai nấy đều rõ phương pháp nghiên cứu là một trong những điểm yếu hiện nay và điều đó không chỉ là đối với sinh viên mà thôi. Chất lượng các cuốn sách cũng là điều đáng lưu tâm, bên cạnh những khảo cứu, sách giáo khoa được viết công phu lại xuất hiện không ít sách (chủ yếu trong lĩnh vực lý luận đại cương) mà cách nhìn nhận và lý giải vấn đề khiến người đọc không khỏi băn khoăn tự hỏi về tinh thần trách nhiệm của tác giả. Một ví dụ: trong một cuốn sách viết về xã hội học đại cương, một tác giả đã không ngần ngại xếp Khổng Tử vào số các lý thuyết gia bên cạnh các lý thuyết tương tác biểu trưng và cấu trúc luận. Trong trường hợp này thì người viết đã mặc nhiên kéo dài lịch sử môn học về tận thời cổ đại và ra khỏi khung cảnh Tây Âu tư bản chủ nghĩa như cái nôi của tri thức thực nghiệm. Vậy là một quan niệm khá chung chung về đối tượng của môn khoa học này đã dẫn người ta đi đến chỗ lầm lẫn về lịch sử của nó!

Tôi cho rằng chính những điều thiếu sót tương tự như vậy phải chịu trách nhiệm chủ yếu về những ngộ nhận khá nghiêm trọng mà hiện thời tương đối phổ biến trong giới học sinh, sinh viên. Ví dụ, không ít trường hợp sinh viên không phân biệt được giữa các cụm từ có ý nghĩa chung (và không hoàn toàn chính xác) kiểu như xã hội học nghĩa là *nghiên cứu một cách thực chứng*, rồi *thái độ thực chứng* với *chủ nghĩa thực chứng*, với tính cách một trào lưu triết học, rồi *xã hội học thực chứng luận* với tư cách một xu hướng nghiên cứu dựa trên những tiền đề nhận thức luận của triết học thực chứng luận. Từ *thực chứng* trong trường hợp này được hiểu đồng nghĩa với thái độ tôn trọng các bằng chứng, sự kiện...và xã hội học từ cái tiền đề này thì được đồng nhất với người đưa ra

chứng cứ cho các lập luận của mình. Đáng tiếc là cách nhìn như thế lại khá phổ biến.

2. Những thiếu sót trong thực hành và kết gắn với thực tiễn Việt Nam:

Kỹ năng thực hành còn chưa được chú trọng trong công tác đào tạo xã hội học. Từ "thực hành" ở đây tôi hiểu khá rộng, không phải chỉ những kỹ năng liên quan tới việc học và dùng một số phần mềm trên máy tính mà bao gồm cả việc nắm vững công nghệ nghiên cứu khoa học. Hiện nay có lẽ không ai còn có thể đồng tình với việc đồng nhất với việc viết một bài, mặc dầu cách đây không lâu quan niệm này còn khá phổ biến. Có lẽ quan niệm này có lý do lịch sử của nó ở việc tồn tại khá lâu một truyền thống học hành thi cử trong các xã hội theo Khổng giáo. Lối học từ chương này trong xã hội hiện đại biến thành một cản trở nhất là đối với sinh viên và học viên cao học của chúng ta. Những cố gắng lâu nay của công tác đào tạo và sự phát triển của ngành xã hội học tại Việt Nam mấy thập kỷ qua đã khắc phục được nhiều quan niệm có tính từ chương này. Mặt khác, kinh nghiệm cho thấy chúng ta vẫn còn phải nỗ lực rất nhiều để khiến cho sinh viên và học viên cao học thực sự nắm được công nghệ nghiên cứu, toàn bộ tính liên tục của quá trình này: từ sự phát sinh các ý tưởng, thảo tác các khái niệm, chỉ số đến các dữ kiện của thực tiễn...

Nội dung các bài giảng và sách giáo khoa của chúng ta phản ánh chính tình hình này tức là sự thiếu các kiến thức thực tiễn Việt Nam. Có lẽ bạn đọc đều dễ dàng đồng tình với tôi là không có một thứ "vật lý học Việt Nam" hay "toán học Việt Nam" theo nghĩa môn khoa học về một "thực tiễn đặc thù". Trong khi đó, ta lại có thể nói về môn xã hội học như vậy theo nghĩa là chúng ta mong muốn và cần phải tiến tới

một môn xã hội học xây dựng trên chất liệu Việt Nam. Để tránh hiểu lầm, tôi xin nói thêm là đây không phải là vấn đề chủ nghĩa địa phương mà hoàn toàn ngược lại. Sự đóng góp quốc tế của nhà (ngành) xã hội học (cũng như bất cứ một ngành khoa học xã hội nào khác) phần lớn là ở chỗ, xuất phát từ các nguyên lý, lý thuyết hữu quan để phân tích thực tiễn của đất nước và dân tộc mình. Theo nghĩa đó, sách giáo khoa và nội dung bài giảng của chúng ta trong nhiều trường hợp thiếu hẳn một chất liệu “bản địa”. Các bài giảng vì thế trong một số trường hợp trở thành một mô nguyên lý trừu tượng. Về mặt sư phạm điều này dẫn tới không ít hậu quả. Các ví dụ được dẫn không phải từ thực tiễn nghiên cứu xã hội Việt Nam khiến học sinh chỉ có thể nắm được một cách chặt vật điều giáo viên muốn trình bày. Học sinh hiểu một cách khó khăn những nguyên lý, lý thuyết.

Mặc dù Viện Xã hội học và các cơ sở nghiên cứu, đào tạo khác đã có nhiều nghiên cứu bao quát nhiều lĩnh vực của xã hội Việt Nam, song việc phổ biến và vận dụng các kết quả nghiên cứu trong các chương trình đào tạo đại học và trên đại học còn chưa rộng rãi. Ngoài một số ít cán bộ nghiên cứu tham gia giảng dạy cố gắng đưa các kết quả nghiên cứu vào bài giảng, còn vẫn tiếp tục tình hình đáng buồn là người dạy cứ dạy, người nghiên cứu cứ nghiên cứu. Các kết quả nghiên cứu chưa đi vào chương trình giảng dạy, sinh viên, học sinh, nghiên cứu sinh bị thiệt thòi do thiếu thông tin và kiến thức thực tế. Tình hình này làm hại tới tính năng động của người học và hạn chế tính ứng dụng của lý thuyết và kết quả nghiên cứu. Kết quả dẫn tới một tình hình đáng buồn là sinh viên và nghiên cứu sinh của chúng ta đang học chay nghề của họ.

Việc chưa có giáo trình cơ bản để giúp giáo viên lên lớp và

học viên khi học cũng là một hạn chế. Giáo viên thường dựa vào bài chuẩn bị riêng của mình, được đúc kết lại qua một lần lên lớp. Tài liệu tham khảo còn thiếu hoặc chưa được chuẩn bị kỹ. Học viên chưa có thói quen đọc sách tham khảo ngoài bài giảng của giáo viên. Điều này một phần cũng là hệ quả của việc thịnh hành phương thức giảng thụ động cùng với những đòi hỏi thấp trong thi cử khiến cả giảng viên lẫn sinh viên đều ít có nhu cầu đọc thêm các tài liệu tham khảo.

Một hình thức quan trọng để tăng cường phần đào tạo “nghề” xã hội học là khâu hướng dẫn sinh viên, nghiên cứu sinh thực tập và làm luận án tại các cơ sở nghiên cứu. Tôi nghĩ rằng hình như các cơ sở đào tạo còn ít quan tâm tới công việc này. Tất nhiên điều đó cho tới nay chủ yếu là vì những lý do có tính thể chế: giữa các cơ sở đào tạo và các cơ sở nghiên cứu chưa có một sự phối hợp trong lĩnh vực này. Và chúng ta dễ hình dung ra một trong những hậu quả của tình hình là chính sinh viên bị thiệt thòi: họ thiếu một môi trường thuận lợi để “tiêu hoá” các kiến thức đã học. Có nhiều luận điểm về mặt lý thuyết mà ngay người nghiên cứu cũng phải mất nhiều năm làm việc trên thực địa mới hiểu thấu được, vậy mà sinh viên của chúng ta chỉ được trình bày chay trên giảng đường.